TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/LĐ-ST
Ngày 30/9/2022
V/v: "Tranh chấp tiền lương"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Văn Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Ngọc Biên

2. Ông Đào Xuân Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Nhẫn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hồng Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Y, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2022/TLST-LĐ ngày 10 tháng 8 năm 2022 về việc "Tranh chấp tiền lương"; Theo quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-LĐ ngày 30 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1966 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn Q, xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

- Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng T;

Địa chỉ: Thôn Q, xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Thái H- Giám đốc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tại Toà án nguyên đơn anh Trần Văn Đ trình bày: Tháng 02/2020 anh vào làm công nhân tại Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng T; địa chỉ: Thôn Q, xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Lúc này ông Đặng Thái H, sinh năm 1973 làm Giám đốc công ty.

Tuy nhiên khi anh vào công ty làm việc thì giữa hai bên không lập hợp đồng lao động bằng văn bản mà chỉ hợp đồng bằng miệng với nhau. Thời gian làm việc

08 giờ/01 ngày, lương hai bên thỏa thuận là trả hàng tháng và hưởng lương theo sản phẩm, hình thức trả lương bằng tiền mặt. Công việc của anh là làm ở bộ phận đóng đai ngói.

Kể từ khi anh vào làm việc tại công ty đến hết tháng 7/2020 Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng T đã thanh toán đầy đủ tiền lương hàng tháng cho anh. Tuy nhiên kể từ ngày 01/8/2020 đến ngày 30/11/2020 phía Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng T đã không thực hiện việc thanh toán tiền lương hàng tháng cho tất cả công nhân của công ty trong đó có anh. Cụ thể đến thời điểm hiện tại phía Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng T do ông Đặng Thái H, Giám đốc đại diện công ty còn nợ anh số tiền lương của 04 tháng với tổng số tiền là 26.691.000 đồng. Cụ thể Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng T còn nợ anh số tiền lương các tháng như sau:

- Tháng 8/2020 nợ tiền lương số tiền là 7.662.500 đồng

- Tháng 9/2020 nợ tiền lương số tiền là 8.347.167 đồng

- Tháng 10/2020 nợ tiền tiền lương số tiền là 5.528.200 đồng

- Tháng 11/2020 nợ tiền lương số tiền là 5.153.900 đồng

Vậy, nay anh yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng T do ông Đặng Thái H, Giám đốc đại diện công ty phải trả cho anh tổng số tiền lương còn nợ là 26.691.000 đồng. Anh không yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng T phải trả tiền lãi suất đối với số tiền nợ trên trong thời gian phía Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng T chậm thanh toán tiền lương cho anh.

Do sai suất trong quá trình đánh máy nên kế toán khi đó của Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng T là chị Nguyễn Thị Thanh l đã đánh nhầm tên anh là Trần Văn Đ thành Tòng Văn Lịch và Tòng Văn Đ tại các bảng kê chi tiết tiền lương các tháng của công ty. Cụ thể:

- Tháng 8/2020 ghi tên anh là Tòng Văn L

- Tháng 9/2020 ghi tên anh là Tòng Văn Đ

- Tháng 10/2020 ghi tên anh là Tòng Văn Đ

- Tháng 11/2020 ghi tên anh là Tòng Văn Đ

Anh xác Đ những người có tên Tòng Văn Lịch hay Tòng Văn Đ nêu trên đều là một người là anh Trần Văn Đ. Và anh cũng đã yêu cầu chị Nguyễn Thị Thanh L kế toán khi đó của Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng T xác nhận thông tin cá nhân người có tên Tòng Văn L hay Tòng Văn Đ trong các bảng lương của công ty đều là một người là anh Trần Văn Đ.

Ngoài ra anh không có yêu cầu đề nghị nào khác.

** Bị đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất kinh doanh Vật liệu xây dựng T do ông Đặng Thái H- Giám đốc đại diện không đến Tòa án mặc dù đã được Tòa án triệu tập.*

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa nhận xét:

Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán còn một số vi phạm về việc chuyển hồ sơ và giao Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử muộn, cần rút kinh nghiệm. Ngoài ra Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy Đ của Bộ luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy Đ, bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy Đ.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 23, Điều 47 và Điều 90 Bộ luật lao động năm 2012; điểm a khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy Đ về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn Đ. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất kinh doanh Vật liệu xây dựng T có trách nhiệm trả cho anh Trần Văn Đ số tiền lương còn nợ là 28.018.000 đồng.

Buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận Đ:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn: Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ 02 không có lý do chính đáng. Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[1.2] Về thẩm quyền: Công ty TNHH T có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 8 năm 2009; Đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 22 tháng 7 năm 2015 có trụ sở chính tại Thôn Q, xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Trần Văn Đ khởi kiện Công ty TNHH T tại Toà án nhân dân huyện Y là đúng quy Đ của pháp luật.

[1.3] Về quan hệ tranh chấp: Anh Trần Văn Đ yêu cầu Công ty TNHH T thanh toán tiền lương. Do vậy xác định đây là quan hệ tranh chấp tiền lương theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 32 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4] Áp dụng pháp luật: Thời điểm các bên xác lập quan hệ lao động Bộ luật lao động năm 2012 có hiệu lực pháp luật nên cần áp dụng Bộ luật lao động năm 2012 để giải quyết vụ án.

[2] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện: Căn cứ vào lời khai và các tài liệu do nguyên đơn cung cấp có căn cứ xác định anh Trần Văn Đ vào làm việc tại Công ty TNHH T nhưng giữa hai bên không ký hợp đồng lao động là vi phạm quy Đ tại Điều 15, 16, 22 và Điều 23 Bộ luật lao động năm 2012. Tuy nhiên có quan hệ lao động thực tế giữa anh Trần Văn Đ và Công ty TNHH T, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của hai bên. Nay anh Trần Văn Đ khởi kiện Công ty TNHH T yêu cầu thanh toán tiền lương còn thiếu. Như vậy việc tranh chấp giữa anh Trần Văn Đ và Công ty TNHH T là quan hệ giữa người lao động và người sử dụng lao động.

Anh Trần Văn Đ yêu cầu Công ty TNHH T thanh toán tiền lương còn thiếu của tháng 8, 9,10, 11 năm 2020 là 28.018.000đ. Việc chấp dứt hợp đồng lao động giữa anh Trần Văn Đ và Công ty TNHH T không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Xét thấy tại các bảng kê chi tiết tiền lương các tháng 8 tháng 9, tháng 10 và tháng 11 năm 2020 đã được Công ty TNHH T ban hành, trong đó có nợ anh Đ 4 tháng tiền lương. Cụ thể:

Tháng 8/2020: 9.111.640 đồng; tháng 9/2020: 7.470.298 đồng; tháng 10/2020: 4.370.789 đồng; tháng 11/2020: 7.065.768 đồng.Tổng cộng là 28.018.495đ. Tuy nhiên trong đơn khởi kiện và lời khai tại Toà án anh Đ yêu cầu làm tròn là 28.018.000 đồng.

Bị đơn không đến Tòa án làm việc là tự từ bỏ quyền lợi của mình.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn Đ là có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về án phí lao động: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí lao động sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy Đ của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 23, Điều 47 và Điều 90 Bộ luật lao động năm 2012; điểm a khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn Đ. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất kinh doanh Vật liệu xây dựng T có trách nhiệm trả cho

anh Trần Văn Đ số tiền lương còn nợ là 28.018.000 đồng *(Hai mươi tám triệu không trăm mười tám nghìn đồng chẵn).*

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không trả thì hàng tháng người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất được quy Đ tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hàn án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy Đ tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy Đ tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy Đ tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về án phí: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất kinh doanh Vật liệu xây dựng T phải chịu 840.540 đồng án phí lao động sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Y;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Lưu HS, Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Thân Văn Hiếu